TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ CẦN THƠ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 64/2019/DS-PT
Ngày: 26.4.2019
V/v "tranh chấp hợp đồng vay tài sản và hụi".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẦN THƠ

- Thành phần hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:
Thẩm phán chủ tọa phiên tòa: Bà Hà Thị Phương Thanh
Các thẩm phán: Bà Bùi Thị Cẩm Thúy
Bà Võ Bích Hải

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thanh Thúy – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ:
Ông Lâm Thành Them- Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong ngày 26 tháng 4 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ xét xử công khai vụ án thụ lý số 235/TLPT-DS ngày 21 tháng 12 năm 2018 về "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản và hụi".

Do bản án dân sự sơ thẩm số 70/2018/DS-ST ngày 25 tháng 10 năm 2018 của Tòa án nhân dân quận T bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 66/2019/QĐPT-DS ngày 26 tháng 02 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Bích G**,** sinh năm: 1962
Địa chỉ: khu vực L, phường T, quận T, thành phố Cần Thơ (Vắng mặt)
Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: bà Lê Ngọc A, sinh năm: 1984 (có mặt)
Địa chỉ: phường A, quận N, thành phố Cần Thơ

2. Bị đơn:
2.1 Bà Nguyễn Thị Kim O. Tên gọi khác: Nguyễn Ngọc Đ, sinh năm: 1975 (có mặt)
Địa chỉ: khu vực T, phường T, quận T, thành phố Cần Thơ.
2.2 Ông Nguyễn Khương N, sinh năm: 1956 (có mặt)
Địa chỉ: phường Đ, thành phố L, tỉnh A

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn: Luật sư Nguyễn Minh L – tỉnh A.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Bích G có người đại diện hợp pháp là bà Lê Ngọc A trình bày yêu cầu khởi kiện như sau: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Bích G và

bị đơn là vợ chồng bà Nguyễn Thị Kim O (tên thường gọi Nguyễn Ngọc Đ), ông Nguyễn Khương N quen biết nhau và có làm ăn chung trong nhiều năm và các ông bà có tham gia hụi qua lại lẫn nhau và vay tiền để phục vụ cho kinh dO của mỗi bên. Quá trình vay tiền và tham gia hụi cụ thể như sau:

***** *Đối với số tiền nợ vay*: Vào ngày 17/12/2017 bà G cho vợ chồng bị đơn ông N, bà O vay số tiền 1.000.000.000 đồng, đến ngày 23/12/2017 bà G tiếp tục cho bà O, ông N vay số tiền 1.000.000.000 đồng, tổng cộng 02 lần vay với số tiền 2.000.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận 3,6%/tháng, không làm hợp đồng vay nhưng có biên nhận nợ, thời hạn vay là 03 ngày. Tuy nhiên, từ khi vay cho đến nay bị đơn ông N, bà O vẫn chưa thanh toán tiền nợ gốc, tiền lãi cho bà G theo thỏa thuận. Đối với ý kiến của bà O cho rằng bà G có nhận tiền lãi 360.000.000 đồng của bà và yêu cầu được khấu trừ vào nợ gốc, với lý do quá trình vay tiền bà O có đưa tiền cho người làm thuê là bà Nguyễn Thị Thùy L giao cho người em của bà G là bà Đinh Thị L2 tại nhà bà G và có nhận biên nhận tiền lãi do bà L2 ghi là không đúng, bởi lẽ bà L2 chỉ giao cho bà L phiếu thông báo đóng số tiền lãi để bà L giao lại cho bà O biết số tiền phải trả lãi cho bà G, tuy nhiên, sau khi nhận phiếu này thì bà O chưa trả tiền lãi cho bà G lần nào nên lời trình bày của bà O là không đúng sự thật nên bà G không đồng ý khấu trừ số tiền như bị đơn yêu cầu.

***** *Đối với số tiền nợ hụi*: Bị đơn bà O, ông N tham gia 04 dây hụi do bà G làm chủ hụi, mỗi dây hụi tham gia 04 phần, tổng cộng 16 phần, quá trình tham gia ông N, bà O đã hốt hết 16 phần hụi này là 13.203.000.000 đồng và nợ tiền hụi chưa góp cho bà G, bên cạnh đó, bà G có tham gia dây hụi do bà O làm chủ hụi, phần hụi 100.000.000đồng, cụ thể các dây hụi như sau:

1/*Dây hụi thứ* 1: 50.000.000 đồng/phần, khui vào ngày 30 âm lịch hàng tháng do bà G làm chủ hụi, mở lần đầu vào ngày 30/12/2016 âm lịch, kết thúc hụi vào ngày 30/7/2018 âm lịch, số hụi viên tham gia bao gồm 21 phần, trong đó bà O tham gia 04 phần, hụi mở mỗi tháng một lần, bà O đã hốt 2 lần (mỗi lần 2 phần) được tổng số tiền là 3.256.000.000 đồng, cụ thể:

+ Lần 1: Ngày 30/12/2016 âm lịch, bà O hốt 02 phần được số tiền 1.620.000.000 đồng. Phần hụi này do ông Nguyễn Khương N nhận tiền ngày 30/12/2016 âm lịch.

+ Lần 2: Ngày 30/2/2017 âm lịch, bà O hốt 02 phần còn lại được số tiền 1.636.000.000 đồng. Phần hụi này do ông Nguyễn Khương N nhận tiền vào ngày 01/03/2017 âm lịch. Cả 04 phần hụi này ông N, bà O chỉ góp lại cho bà G đến ngày 30/03/2018 âm lịch, tổng số lần đã góp hụi là 16 lần, còn nợ 04 lần góp x 200.000.000 đồng/lần góp với tổng số tiền là 800.000.000 đồng**.**

2/ *Dây hụi thứ 2*: 50.000.000đồng/phần, khui vào mùng 6 âm lịch hàng tháng do bà G làm chủ hụi, mở lần đầu vào ngày 06/08/2017 âm lịch, kết thúc vào ngày 06/04/2019 âm lịch, số hụi viên tham gia bao gồm 21 phần, bà O tham gia 04 phần, hụi mỗi tháng mở một lần, bà O đã hốt 2 lần (mỗi lần 2 phần) được tổng số tiền là 3.348.000.000 đồng, cụ thể như sau:

+ Lần 1: Ngày 06/08/2017 âm lịch, bà O hốt 02 phần được số tiền 1.640.000.000 đồng, phần hụi này do ông N nhận tiền hụi vào ngày 09/08/2017 âm lịch.

+ Lần 2: Ngày 06/10/2017 âm lịch bà O hốt 02 phần còn lại được số tiền 1.708.000.000 đồng (hụi kêu lời 7.000.000 đồng), phần hụi này do bà O nhận tiền hụi vào ngày 06/10/2017 âm lịch. Cả 04 phần hụi này đến ngày 06/03/2018 âm lịch thì ông N, bà O không góp nữa (tức là lần góp hụi ngày 06/03/2018 âm lịch ông N, bà O không góp), tổng số lần hụi đã đóng là 07 lần, còn nợ 13 lần góp hụi x 200.000.000 đồng/lần góp với tổng số tiền là 2.600.000.000 đồng.

3/ *Dây hụi thứ 3*: 50.000.000đồng phần, khui vào ngày 25 âm lịch hàng tháng do bà G làm chủ hụi, mở lần đầu vào ngày 25/09/2017 âm lịch, kết thúc hụi vào ngày 25/05/2019 âm lịch, số hụi viên tham gia bao gồm 21 phần, bà O tham gia 4 phần, hụi mỗi tháng kêu một lần, bà O đã hốt được 2 lần (mỗi lần 2 phần) tổng số tiền là 3.343.000.000 đồng, cụ thể như sau:

+ Lần 1: Ngày 25/11/2017 âm lịch, bà O hốt 02 phần hụi được số tiền 1.672.000.000 đồng, phần tiền hụi này do bà O nhận ngày 29/11/2017 âm lịch.

+ Lần 2: Ngày 25/12/2017 âm lịch, bà O hốt 02 phần còn lại được 1.671.000.000 đồng, phần tiền hụi này do bà O nhận ngày 27/12/2017 âm lịch. Cả 04 phần hụi này đến ngày 25/03/2018 âm lịch thì bà O, ông N không góp nữa, tổng số lần hụi đã góp là 06 lần, còn nợ lại 14 lần góp hụi x 200.000.000 đồng/lần góp với tổng số tiền là 2.800.000.000 đồng.

4/ *Dây hụi thứ 4*: 50.000.000đồng phần, khui vào ngày 12 âm lịch hàng tháng do bà G làm chủ hụi, mở lần đầu vào ngày 12/12/2017 âm lịch, kết thúc hụi vào ngày 12/8/2019 âm lịch, số hụi viên tham gia bao gồm 21 phần, bà O tham gia 4 phần, hụi mỗi tháng mở một lần, bà O đã hốt được 2 lần (mỗi lần 2 phần) tổng số tiền là 3.256.000.000 đồng, cụ thể như sau:

+ Lần 1: Ngày 12/12/2017 âm lịch, bà O hốt 02 phần được 1.600.000.000 đồng, phần tiền hụi này do ông N nhận ngày 14/12/2017 âm lịch.

+ Lần 2: Ngày 12/01/2018 âm lịch, bà O hốt 02 phần còn lại được 1.656.000.000 đồng, phần tiền hụi này do ông N nhận ngày 14/01/2018 âm lịch. Cả 04 phần hụi này đến ngày 12/03/2018 thì bà O, ông N không góp nữa, tổng số lần hụi đã góp là 03 lần, còn nợ lại 17 lần góp hụi x 200.000.000 đồng/lần góp với tổng số tiền là 3.400.000.000 đồng.

Vì vậy, tổng cộng số tiền hụi mà bà O, ông N chưa góp lại cho bà G là: 9.600.000.000 đồng và bà G phải bỏ tiền ra góp hụi thay cho bà O, ông N để giao lại cho các thành viên tham gia các dây này lãnh hụi.

5/ *Dây hụi thứ 5*: 100.000.000 đồng phần do bà O làm chủ hụi, bà G là hụi viên, mở ngày 15/03/2018, kết thúc ngày 30/2/2019, mỗi tháng mở hai lần, gồm có 24 phần, bà G tham gia 01 phần và đã góp 06 lần với tổng số tiền là 518.500.000 đồng, bà O mở hụi lần cuối vào ngày 30/5/2018, lần mở hụi định kỳ vào ngày 15/06/2018 bà O không mở hụi, đồng thời đến đầu tháng 6/2018 bà O, ông N tuyên bố ngưng hụi và vỡ nợ.

Như vậy, bị đơn bà O, ông N còn nợ nguyên đơn bà G bao gồm: nợ tiền vay 2.000.000.000 đồng, tiền nợ dây hụi đã kết thúc số tiền 800.000.000 đồng, tiền dây hụi chưa kết thúc 8.800.000.000 đồng và tiền dây hụi do bà O làm chủ đã ngưng là 518.500.000 đồng, tổng cộng 12.118.500.000 đồng đến nay chưa thanh toán cho nguyên đơn đã ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền lợi nguyên đơn nên nguyên đơn

bà G khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc bà Nguyễn Thị Kim O và ông Nguyễn Khương N có trách nhiệm liên đới trả cho bà G tổng số tiền là 12.118.500.000 đồng. Nhận thấy bị đơn có sự vi phạm nghĩa vụ đóng hụi sau khi hốt nên nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc vợ chồng bị đơn có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn số tiền trên và lãi suất theo quy định.

Đồng thời, quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn yêu cầu Tòa án áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời là cấm thực hiện các giao dịch dân sự (chuyển nhượng, tặng cho, thế chấp, bảo lãnh, cầm cố, góp vốn) đối với tài sản là quyền sử dụng đất tại các thửa đất số 01, 973, tờ bản đồ số 1, tổng diện tích 3.250m^2, loại đất ODT, CLN, SKC do hộ ông Nguyễn Khương N đứng tên sử dụng trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 01322, được Ủy ban nhân dân huyện Thốt Nốt (cũ) cấp ngày 02/11/2004, đất tọa lạc tại khu vực Thới An 1, phường Thuận An, quận T, thành phố Cần Thơ để đảm bảo thi hành án và Tòa án nhân dân quận Tđã ban hành Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 368/QĐ –BPKCTT ngày 29/6/2018 để đảm bảo thi hành án.

2. Trước yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, bị đơn bà Nguyễn Thị Kim O và ông Nguyễn Khương N có ý kiến trong quá trình giải quyết vụ án như sau:

**Đối số tiền nợ vay*: Bà thống nhất với nguyên đơn bà Nguyễn Thị Bích G vào ngày 17/12/2017 bà có vay số tiền 1.000.000.000 đồng, đến ngày 23/12/2017 bà tiếp tục vay số tiền 1.000.000.000 đồng, tổng cộng 02 lần vay 2.000.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận 3,6%/tháng, hai bên không làm hợp đồng vay, không thỏa thuận thời gian trả nợ và đến nay chưa trả nợ cho bà G. Trong quá trình vay tiền bà đã đóng tiền lãi theo thỏa thuận 3,6%/tháng, mỗi tháng số tiền 72.000.000 đồng đóng được 04 tháng cho bà G với tổng số tiền 360.000.000 đồng, việc bà trả lãi với cách thức bà đưa tiền cho bà Nguyễn Thị Thùy L là người làm thuê của bà đến nhà bà G để đưa tiền cho bà G thông qua bà Đinh Thị L2 là em của bà G để giao tiền lãi cho bà G, sau khi nhận tiền bà L2 có đưa giấy nhận tiền lãi để bà L đưa lại cho bà để xác định việc trả tiền lãi. Vì vậy, đối với số tiền lãi bà G đã nhận bà yêu cầu Tòa án xem xét việc bà G nhận lãi để khấu trừ vào tiền gốc mà bà có trách nhiệm trả cho bà G và bà đồng ý trả số tiền còn lại.

***** *Về số tiền nợ hụi*: Qua yêu cầu của nguyên đơn, bà có ý kiến đối với các dây hụi như sau: Bà thống nhất có tham gia 04 dây hụi do bà G làm chủ hụi 50.000.000 đồng/phần, tham gia tổng cộng 16 phần hụi đã hốt và nhận đủ tiền hụi của 16 phần hụi nhưng chưa đóng lại đầy đủ cho bà G, cụ thể các dây hụi:

+ *Dây hụi thứ 1*: 50.000.000 đồng phần, mở ngày 30/12/2016 âm lịch kết thúc hụi ngày 30/7/2018 âm lịch: Bà đã hốt được 04 phần với tổng số tiền 3.073.000.000 đồng, góp lại hụi số tiền 2.983.000.000 đồng, nợ lại tiền hụi phải góp cho bà G số tiền 90.000.000 đồng. Bà đã góp hụi đến ngày 30/3/2018 âm lịch thì ngưng cho đến nay.

+ *Dây hụi thứ 2*: 50.000.000 đồng phần, mở ngày 06/8/2017 âm lịch kết thúc hụi ngày 06/4/2019 âm lịch: Bà đã hốt được 04 phần số tiền 3.164.000.000 đồng, góp lại hụi chết 1.186.000.000 đồng nợ lại phải đóng hụi cho bà G số tiền 1.978.000.000 đồng cho đến lúc hụi kết thúc. Bà đã góp hụi cho bà G đến ngày 06/3/2018 âm lịch thì ngưng cho đến nay.

+ *Dây hụi thứ 3*: 50.000.000 đồng phần, mở ngày 25/9/2017 âm lịch kết thúc hụi ngày 25/5/2019 âm lịch: Bà đã hốt hụi được 04 phần với số tiền 3.159.000.000 đồng, góp lại hụi chết số tiền 942.000.000 đồng nợ lại phải góp số tiền 1.978.000.000 đồng. Bà đã góp hụi cho bà G đến ngày 25/3/2018 âm lịch thì ngưng cho đến nay.

+ *Dây hụi thứ 4*: 50.000.000 đồng phần mở ngày 12/12/2017 âm lịch kết thúc hụi ngày 12/8/2019 âm lịch: Bà đã hốt được 04 phần số tiền 3.073.000.000 đồng, góp lại hụi đã hốt số tiền 400.000.000 đồng nợ lại tiền hụi phải góp 2.674.000.000 đồng. Bà đã góp hụi cho bà G đến ngày 12/3/2018 âm lịch thì ngưng cho đến nay.

Như vậy, tổng cộng số tiền bà phải góp lại cho bà G đến khi các dây hụi nêu trên kết thúc với số tiền là 6.959.000.000 đồng.

+ *Dây hụi thứ 5*: 100.000.000 đồng phần do bà làm chủ hụi, mở hụi lần đầu ngày 15/ 03/2018 âm lịch, kết thúc ngày 30/2/2019, mỗi tháng mở hai lần, hụi gồm có 24 phần, bà G tham gia 01 phần, đã góp được 06 lần với tổng số tiền là 518.500.000 đồng, bà đã ngưng dây hụi này vào tháng 5/2018, bà còn nợ của bà G số tiền 518.500.000 đồng đến nay chưa thanh toán, bà đồng ý trả.

*Tại bản án số 70/2018/DS-ST ngày 25 tháng 10 năm 2018 của Tòa án nhân dân quận Txét xử và quyết định như sau:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn

Buộc bị đơn ông Nguyễn Khương N, bà Nguyễn Thị Kim O phải có trách nhiệm liên đới trả cho nguyên đơn bà Nguyễn Thị Bích G tổng số tiền 6.689.465.000đ (*Sáu tỷ sáu trăm tám mươi chín triệu bốn trăm sáu mươi lăm ngàn đồng*), trong đó bao gồm:

- Về nợ vay:

+ Số tiền nợ gốc 2.000.000.000 đồng và tiền lãi do chậm thanh toán theo mức lãi suất 10%/năm, thời gian tính từ ngày 09/7/2018 đến thời điểm xét xử sơ thẩm ngày 25/10/2018 là 58.889.000 đồng, tổng cộng 2.058.889.000 đồng.

- Về nợ hụi:

+ Dây hụi thứ 01: Mở hụi ngày 27/01/2017 dương lịch kết thúc hụi ngày 09/9/2018, số tiền bị đơn phải trả cho nguyên đơn là 800.000.000 đồng và tiền lãi chậm thanh toán tính từ ngày 18/6/2018 đến ngày xét xử sơ thẩm 25/10/2018 là 19.835.000 đồng, tổng cộng 819.835.000 đồng.

+ Dây hụi thứ 02: Mở hụi ngày 25/9/2017 dương lịch kết thúc hụi ngày 10/5/2019, số tiền bị đơn phải trả cho nguyên đơn 1.200.000.000 đồng được tính theo thời gian vi phạm nghĩa vụ định kỳ, từ ngày 20/5/2018 đến ngày 14/10/2018 và tiền lãi do chậm thanh toán tính từ ngày 20/5/2018 đến ngày 25/10/2018, mức lãi suất 10%/năm là 27.726.000 đồng, tổng cộng 1.227.726.000 đồng

+ Dây hụi thứ 03: Mở hụi ngày 13/11/2017 dương lịch kết thúc hụi ngày 27/6/2019, số tiền bị đơn phải trả cho nguyên đơn 1.000.000.000 đồng được tính theo thời gian vi phạm nghĩa vụ định kỳ, từ ngày 08/6/2018 đến ngày 24/10/2018 và tiền lãi do chậm thanh toán tính ngày 26/5/2018 đến ngày 25/10/2018, mức lãi suất 10%/năm là 25.808.000 đồng, tổng cộng: 1.025.808.000 đồng

+ Dây hụi thứ 04: Mở hụi ngày 28/01/2018 dương lịch kết thúc hụi ngày 10/9/2019, số tiền bị đơn phải trả cho nguyên đơn 1.200.000.000 đồng được tính

theo thời gian vi phạm nghĩa vụ định kỳ, từ ngày 08/6/2018 đến ngày 20/10/2018 và tiền lãi do chậm thanh toán tính ngày 08/6/2018 đến ngày 25/10/2018, mức lãi suất 10%/năm là 21.424.000 đồng, tổng cộng: 1.021.424.000 đồng

+ Dây hụi thứ 05: Mở hụi ngày 15/03/2018 dương lịch kết thúc ngày 30/2/2019, bị đơn đã ngưng hụi nên bị đơn phải trả cho nguyên đơn số tiền 518.500.000 đồng và tiền lãi do chậm thanh toán từ ngày 18/6/2018 đến ngày xét xử sơ thẩm 25/10/2018, mức lãi suất 10%/năm là số tiền 17.283.000 đồng, tổng cộng 535.783.000 đồng.

Về thời gian và cách thức trả nợ nêu trên được giải quyết tại Chi cục thi hành án dân sự theo thẩm quyền.

Kể từ khi nguyên đơn có đơn yêu cầu thi hành án nếu bị đơn chậm trả số tiền nêu trên thì bị đơn còn phải trả lãi theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán.

2.Tiếp tục duy trì Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 368/QĐ –BPKCTT, ngày 29/6/2018 của Tòa án nhân dân quận Tđể đảm bảo thi hành án.

3. Đình chỉ giải quyết yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bị đơn phải trả số tiền hụi chưa góp, tương ứng với khoảng thời gian tính từ thời điểm xét xử sơ thẩm ngày 25/10/2018 cho đến khi kết thúc các dây hụi nêu trên, do yêu cầu này thuộc trường hợp chưa đủ điều kiện khởi kiện theo quy định tại điểm g Điều 217 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Nguyên đơn có quyền nộp đơn khởi kiện lại đối với bị đơn khi yêu cầu đã đủ điều kiện theo quy định điểm c khoản 3 Điều 192 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

*Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí dân sự và quyền kháng cáo của các đương sự.

*Ngày 07 tháng 11 năm 2018, nguyên đơn kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét lại toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với ba dây hụi mở ngày 06/8/2017 âm lịch, dây mở ngày 25/9/2017 âm lịch, dây mở ngày 12/12/2017 âm lịch.

*Ngày 06/11/2018, bị đơn kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xử hủy án sơ thẩm do có nhiều sai phạm từ khi thụ lý và trong quá trình giải quyết vụ án, áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời sai đối tượng gây thiệt hại nghiêm trọng đến quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay:

*Các đương sự vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Phía nguyên đơn có ý kiến, tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn vẫn có yêu cầu tính lãi và trong bản án đã có tính lãi nhưng biên bản phiên tòa ghi là không yêu cầu. Và tiền hụi yêu cầu là số hụi phải đóng có lãi tức phải đóng 200.000.000 cho 04 phần/kỳ đóng bởi bị đơn đã lãnh hụi chứ không phải như bản án sơ thẩm nêu phần hụi còn lại phải đóng sau khi án sơ thẩm tuyên chỉ lấy vốn.

*Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích cho bị đơn bà O trình bày: Đề nghị hội đồng xét xử hủy bản án sơ thẩm do có nhiều sai phạm từ khi thụ lý đến khi xét xử với các lý do sau: các dây hụi do bà G làm chủ hụi chưa kết thúc hụi và thời điểm bà G khởi

kiện tại Tòa án thì bà O chưa vi phạm nghĩa vụ góp hụi mà đã khởi kiện và Tòa án nhân dân quận Tthụ lý là không đúng quy định và việc Tòa án nhân dân quận Tra Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời đã làm ảnh hưởng đến quyền lợi và việc kinh doanh của bà, có sai sót trong quá trình áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời, cụ thể, có ba người yêu cầu rút đơn khởi kiện và Tòa án quận Tđã đình chỉ giải quyết vụ án, những người này đã nhận lại tiền buộc thực hiện biện pháp bảo đảm chỉ còn lại nguyên đơn bà Đợi và bà G còn yêu cầu, đáng lẽ ra phải cho hai người này nộp thêm để đảm bảo cho việc áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời của ba người khởi kiện bị đơn đã rút yêu cầu và nhận lại tiền. Đối với số tiền nợ vay 2.000.000.000 đồng phải được khấu trừ số tiền 360.000.000 đồng tiền lãi do bà O đã đóng cho bà G thể hiện việc bà L2 đã nhận thay cho bà G.

*Đại diện Viện kiểm sát phát biểu tại phiên tòa phúc thẩm:

-Về tố tụng: Người tham gia tố tụng và người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự tại Tòa án cấp phúc thẩm.

-Về nội dung: Căn cứ vào các chứng cứ có trong hồ sơ và qua việc tranh tụng tại phiên tòa hôm nay, có cơ sở xác định giữa các đương sự có tham gia chơi hụi cùng nhau và bị đơn bà O có vay tiền nguyên đơn bà G 2.000.000.000 đồng đến nay chưa thanh toán. Việc bị đơn lãnh hụi và không góp các bên đều xác định thời điểm ngưng góp là tháng 3/2018 âm lịch. Việc bị đơn bà O lãnh hụi nhưng không góp lại cho nguyên đơn là vi phạm nghĩa vụ nên nguyên đơn có quyền khởi kiện mặc dù chưa kết thúc dây hụi và việc vi phạm kỳ nào buộc trả kỳ đó đến thời điểm xét xử sơ thẩm, những dây hụi đến nay chưa kết thúc, chưa tới hạn nên không buộc bị đơn trả được. Do đó, cấp sơ thẩm buộc bị đơn trả tiền hụi cho nguyên đơn tính đến thời điểm xét xử sơ thẩm là phù hợp.

Về tiền vay, bị đơn cho rằng có đưa 360.000.000 đồng tiền lãi cho nguyên đơn thông qua người làm là bà L, bà L2 nhưng bà L2 cho rằng không có nhận tiền gì từ bị đơn nên không có cơ sở xác định bị đơn đã đóng lãi cho nguyên đơn. Vì vậy, buộc bị đơn có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn tiền vay và lãi như cấp sơ thẩm tính là đúng quy định.

Về quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp thời đề nghị giải quyết theo đúng quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện đối với ba dây hụi: Đối chiếu với các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và qua việc tranh tụng tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay, có cơ sở xác định rằng giữa nguyên đơn và bị đơn có thỏa thuận việc tham gia góp hụi với nhau, cụ thể,

(1) Dây hụi mở ngày 30/12/2016 âm lịch, hụi 50.000.000 đồng/phần, có 21 phần, bị đơn tham gia 04 phần, dự kiến mãn hụi ngày 30/7/2018 âm lịch, dây hụi này bị đơn đã lãnh và góp lại hụi cho nguyên đơn đến ngày 30/3/2018 âm lịch thì

ngưng, tính đến ngày hụi mãn thì bị đơn còn phải góp cho nguyên đơn thêm 04 lần hụi, mỗi lần 200.000.000 đồng x 04 lần góp = 800.000.000 đồng.

(2) Dây hụi mở ngày 06/8/2017 âm lịch, hụi 50.000.000 đồng/phần, có 21 phần, bị đơn tham gia 04 phần, dự kiến mãn hụi ngày 06/4/2019 âm lịch, dây hụi này bị đơn đã lãnh và góp lại hụi cho nguyên đơn đến ngày 06/3/2018 âm lịch thì ngưng, tính đến ngày hụi mãn thì bị đơn còn phải góp cho nguyên đơn thêm 13 lần hụi, mỗi lần 200.000.000 đồng x 13 lần góp = 2.600.000.000 đồng.

(3) Dây hụi mở ngày 25/9/2017 âm lịch, hụi 50.000.000 đồng/phần, có 21 phần, bị đơn tham gia 04 phần, dự kiến mãn hụi ngày 25/5/2019 âm lịch, dây hụi này bị đơn cũng đã lãnh và góp lại cho nguyên đơn đến 12/3/2018 âm lịch thì ngưng, tính đến ngày hụi mãn thì bị đơn còn phải góp cho nguyên đơn thêm 14 lần hụi, mỗi lần 200.000.000 x 14 lần góp = 2.800.000.000 đồng.

(4) Dây hụi mở ngày 12/12/2017 âm lịch, hụi 50.000.000 đồng/phần, có 21 phần, bị đơn tham gia 04 phần, dự kiến mãn hụi ngày 12/8/2019 âm lịch, dây hụi này bị đơn cũng đã lãnh và góp lại cho nguyên đơn đến 12/3/2018 âm lịch thì ngưng, tính đến ngày hụi mãn thì bị đơn còn phải góp cho nguyên đơn thêm 17 lần hụi, mỗi lần 200.000.000 x 17 lần góp = 3.400.000.000 đồng. Vậy tổng cộng ba dây hụi mở ngày 06/8/2017 âm lịch, ngày 25/9/2017 âm lịch, ngày 12/12/2017 âm lịch này bị đơn còn phải góp trả cho nguyên đơn 8.800.000.000 đồng.

Nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán hết số tiền hụi này mặc dù chưa kết thúc các dây hụi. Xét, theo quy định tại khoản 1 điều 30 Nghị định 144/2006/NĐ-CP ngày 27 tháng 11 năm 2006 của Chính phủ về họ, hụi, biêu, phường " Trong trường hợp thành viên hụi không góp phần họ cho đến kỳ mở họ thì thành viên đó phải thanh toán đủ phần họ còn thiếu tương ứng với thời gian chưa thanh toán cho đến thời điểm kết thúc họ..". Tại đoạn 2 điều 282 Bộ luật dân sự 2015 quy định: "Việc chậm thực hiện nghĩa vụ theo từng kỳ cũng bị coi là chậm thực hiện nghĩa vụ" và do phía bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ góp hụi theo định kỳ nên nguyên đơn yêu cầu bị đơn thực hiện toàn bộ nghĩa vụ là phù hợp quy định pháp luật. Phía bị đơn và luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn cho rằng chưa kết thúc các dây hụi mà thụ lý vụ án là không đúng làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến uy tín danh dự của bị đơn và bị đơn không vi phạm nghĩa vụ góp hụi là không có cơ sở, bởi nếu bị đơn có thiện chí trong việc thực hiện nghĩa vụ của mình thì từ sau khi tuyên án sơ thẩm, bị đơn đã tự nguyện thực hiện tiếp nghĩa vụ còn lại tới khi xét xử phúc thẩm để chứng minh cho lý lẽ của mình, nhưng bị đơn đã không thực hiện. Vì vậy, để đảm bảo lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn khi mỗi tháng phải bỏ tiền ra với con số không nhỏ khoảng 600.000.000 đồng để góp thay cho bị đơn mà không yêu cầu tính lãi tiếp là có lợi cho bị đơn và cần giải quyết dứt điểm vụ án nên cần buộc bị đơn phải có nghĩa vụ trả toàn bộ số tiền nợ hụi chưa góp (tính luôn đến ngày kết thúc các dây hụi) cho nguyên đơn mặc dù chưa kết thúc hụi. Tổng cộng số tiền bị đơn phải trả cho nguyên đơn cho bốn dây hụi mở ngày 30/12/2018 âm lịch là 800.000.000 đồng, ngày 06/8/2017 âm lịch là 2.600.000.000 đồng, ngày 25/9/2017 âm lịch là 2.800.000.000 đồng, ngày 12/12/2017 âm lịch là 3.400.000.000 đồng với số tiền là 9.600.000.000 đồng.

(5) Về dây hụi do bị đơn là chủ, nguyên đơn bà G đã đóng 518.500.000 đồng, nay hụi không tiếp tục nên buộc bị đơn trả cho nguyên đơn cộng với lãi suất 17.283.000 đồng như án sơ thẩm là đúng quy định. Tổng cộng 535.783.000 đồng.

(6) Về số tiền lãi nợ hụi của 04 dây hụi, cấp sơ thẩm đã tính đúng quy định nên giữ nguyên với số tiền: 94.793.000 đồng. Tổng số tiền hụi bị đơn phải cho nguyên đơn cộng lãi là 9.694.793.000 đồng. Tổng 05 dây hụi là (5) + (6): 10.230.576.000 đồng.

[2] Về yêu cầu kháng cáo của bị đơn:

[2.1] Yêu cầu hủy bản án sơ thẩm do có sai sót trong quá trình giải quyết vụ án, qua xem xét hồ sơ, thấy rằng, cấp sơ thẩm không có vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của các đương sự.

[2.1.1] Riêng về nội dung: đối với các phần hụi như trên đã phân tích, án sơ thẩm xác định bị đơn vi phạm nghĩa vụ kỳ góp hụi nào thì buộc bị đơn góp trả phần hụi đó, phần còn lại chưa tới thì không chấp nhận, với quyết định như trên là chưa phù hợp quy định pháp luật như đã nhận định ở trên nên Hội đồng xét xử phúc thẩm chỉ cần sửa lại bản án sơ thẩm phần này, không có cơ sở phải hủy bản án.

[2.1.2] Cũng cần xem xét thêm phần nợ vay giữa nguyên đơn và bị đơn để xác định cấp sơ thẩm quyết định có đúng quy định hay không, từ đó làm cơ sở xem xét cho yêu cầu kháng cáo của bị đơn yêu cầu hủy bản án sơ thẩm. Ngoài phần hụi, thì nguyên đơn bà G và bị đơn bà O có thỏa thuận việc vay tiền, theo đó, ngày 17/12/2017 nguyên đơn bà G cho vợ chồng bà O vay số tiền 1.000.000.000 đồng, ngày 23/12/2017 tiếp tục cho vợ chồng bà O vay thêm 1.000.000.000 đồng, hai lần vay là 2.000.000.000 đồng. Bà O thừa nhận có vay số tiền trên. Hai bên thống nhất số tiền vay và đến nay bà O vẫn chưa thanh toán cho nguyên đơn. Nay bà G có yêu cầu bị đơn thanh toán, vì vậy, cấp sơ thẩm buộc bị đơn thanh toán cho nguyên đơn số tiền này là đúng quy định. Đồng thời, quá trình vay, bị đơn bà O cho rằng có trả lãi cho bà G 360.000.000 đồng nên bà O yêu cầu khấu trừ, việc trả lãi thông qua bà Nguyễn Thị Thùy L (là người giúp việc nhà cho bà O) đem đến cho bà L2 là người nhà của bà G, nhưng phía bà L2 không thừa nhận có việc nhận tiền lãi từ bà L hay bà O, mà chỉ là thông báo số tiền lãi cho bà L về thông báo cho bà O biết để thực hiện nên việc bà O cho rằng có đóng lãi cho bà G 360.000.000 đồng là không có cơ sở. Cấp sơ thẩm không chấp nhận số tiền lãi trừ vào vốn là đúng. Về số tiền lãi của 2 tỷ đồng, thời điểm tính lãi và mức lãi suất cấp sơ thẩm buộc bị đơn trả cho nguyên đơn: nguyên đơn cho rằng giữa hai bên thỏa thuận lãi suất 3,6% /tháng, tuy nhiên, nguyên đơn chỉ yêu cầu lãi suất theo quy định 10%/năm là phù hợp. Về thời điểm tính lãi, việc thỏa thuận vay tiền của các đương sự không quy định thời hạn trả nợ. Bị đơn biết việc nguyên đơn đòi tiền vào lúc hai bên ngưng việc góp hụi vào tháng 6/2018, cấp sơ thẩm tính từ ngày 09/7/2018 là phù hợp và có lợi cho bị đơn. Nên việc tính lãi của cấp sơ thẩm là đúng. Tổng nợ vay và lãi bị đơn trả cho nguyên đơn: 2.058.889.000 đồng.

[2.2] Về ý kiến của bị đơn và luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn cho rằng cấp sơ thẩm áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời sai đối tượng gây thiệt hại nghiêm trọng đến quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn. Thấy rằng, quá trình giải quyết vụ án cấp sơ thẩm có ban hành quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 558/QĐ-KCTT ngày 25/9/2018 phong tỏa tài sản là xe ô tô của bị

đơn mang biển số kiểm soát 67M-1599 do bị đơn bà O đứng tên sở hữu. Sau đó, ông Nguyễn Thanh Hà có đơn khiếu nại yêu cầu Tòa án hủy quyết định số 558/QĐ-KCTT ngày 25/9/2018 của Tòa án nhân dân quận T, bởi lẽ, ngày 11/9/2018 bà O đã bán xe này cho ông, hợp đồng mua bán giữa ông và bà O đã được công chứng theo quy định, có hiệu lực pháp luật. Sau khi xem xét đơn khiếu nại và xác minh sự việc tài sản phong tỏa không còn thuộc quyền sở hữu của bị đơn nên Tòa án nhân dân quận Tđã ban hành quyết định số 568/QĐ-BPKCTT ngày 27/9/2018 hủy bỏ Quyết định số 558/QĐ-KCTT ngày 25/9/2018 của Tòa án nhân dân quận Tnên không ảnh hưởng gì đến quyền lợi của bị đơn. Tiếp theo, ngày 25/7/2018, Tòa án nhân dân quận Tban hành quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 421/QĐ-BPKCTT phong tỏa tài khoản tại ngân hàng đối với bị đơn số tiền 998.000.000 đồng, tuy nhiên, số tiền này không còn trong tài khoản của bị đơn nên ngày 26/7/2018 Tòa án nhân dân quận Tban hành quyết định số 423/QĐ-BPKCTT hủy bỏ quyết định số 421/QĐ-BPKCTT ngày 26/7/2018 nên cũng không ảnh hưởng đến quyền lợi của bị đơn. Cuối cùng, ngày 29/6/2018 Tòa án nhân dân quận Tcó ban hành quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 368/QĐ-KCTT cấm thực hiện các giao dịch dân sự (chuyển nhượng, tặng cho, thế chấp, bảo lãnh, cầm cố, góp vốn) đối với tài sản là quyền sử dụng đất tại các thửa đất số 01, 973, tờ bản đồ số 1, tổng diện tích 3.250m^2, loại đất ODT, CLN, SKC do hộ ông Nguyễn Khương N đứng tên sử dụng trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 01322, được Ủy ban nhân dân huyện Thốt Nốt (cũ) cấp ngày 02/11/2004, đất tọa lạc tại khu vực T 1, phường T, quận T, thành phố Cần Thơ để đảm bảo thi hành án. Việc áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời như trên cũng nhằm đảm bảo cho bản án được thi hành. Như trên đã nhận định, bị đơn phải có nghĩa vụ trả nợ cho nguyên đơn nên trong giai đoạn thi hành án nếu bị đơn không có phương án trả nợ cho nguyên đơn thì quyền sử dụng đất bị áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời sẽ được phát mãi để thu hồi nợ. Vì vậy, việc ra quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời như trên của Tòa án nhân dân quận Tlà đúng quy định tại các Điều 111 và 114 Bộ luật tố tụng dân sự. Đồng thời, khi các nguyên đơn khác có đơn khởi kiện và yêu cầu áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời đối với bị đơn bà O đã rút yêu cầu và được nhận lại tiền bảo đảm thì phía nguyên đơn đã bổ sung nộp vào với số tiền 77.000.000 đồng theo quyết định buộc thực hiện biện pháp bảo đảm số 460/QĐ-BPBĐ ngày 14 tháng 8 năm 2018 của Tòa án nhân dân quận T. Do đó, ý kiến của bị đơn cho rằng, việc áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời làm ảnh hưởng đến quyền lợi của bị đơn là không đúng, bị đơn không chứng minh được thiệt hại do việc ban hành quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời của Tòa án nhân dân quận Tgây ra. Từ những nhận định trên nên kháng cáo của bị đơn yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm là không có căn cứ vì không vi phạm tố tụng làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự nào.

[4] Về ý kiến bà O và ông N cho rằng, đây là nợ riêng của bà O, ông N không biết việc vay tiền cũng như tham gia hụi. Ông N và bà O kết hôn năm 1997 và cho đến nay hôn nhân vẫn còn tồn tại, bà O cho rằng tiền làm ăn cũng chỉ để trang trải cuộc sống gia đình, ông N cũng biết việc bà O nợ nần và cũng đồng ý bán cơ sở kinh doanh xăng dầu để trả nợ cho bà O, đồng thời, qua lời khai trong giai đoạn sơ thẩm, ông N thừa nhận có đi nhận tiền hụi do nguyên đơn G cho bà O và đồng ý cùng bà O

trả cho nguyên đơn bà G được thể hiện qua các bên đã thống nhất được số nợ và đã lập biên bản hòa giải thành (bút lục 201) nhưng phía bị đơn có thay đổi ý kiến. Vì vậy, có cơ sở xác định đây là nợ chung của vợ chồng nên ông N cũng phải có nghĩa vụ trả nợ cùng bà O.

[5] Cộng các khoản hụi và nợ bị đơn trả cho nguyên đơn: (6) Hụi: 10.230.576.000 đồng + (2.1.2) nợ vay: 2.000.000.000 đồng, lãi nợ vay: 58.889.000 đồng = 2.058.889.000 đồng. Tổng cộng bị đơn phải trả cho nguyên đơn: 12.289.645.000 đồng.

Từ những nhận định trên nên yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn là có cơ sở cần chấp nhận, yêu cầu kháng cáo bị đơn không có cơ sở nên không thể chấp nhận. Ý kiến của luật sư và đại diện Viện kiểm sát chưa phù hợp quy định pháp luật.

[6] Về Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời: sau khi bản án phúc thẩm có hiệu lực thì đương nhiên quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 368/QĐ –BPKCTT ngày 29/6/2018 của Tòa án nhân dân quận Tbị hủy bỏ theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 138 Bộ luật tố tụng dân sự. Tuy nhiên, do nguyên đơn bà G và một nguyên đơn trong vụ án khác là bà Nguyễn Thị Đợi cùng có đơn yêu cầu áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời là quyền sử dụng đất và quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 368/QĐ –BPKCTT ngày 29/6/2018 của Tòa án nhân dân quận Tđã bị hủy bỏ trong bản án phúc thẩm số 63/2019/DS-PT ngày 26 tháng 4 năm 2019 của Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ giữa nguyên đơn bà Nguyễn Thị Đợi và bị đơn bà Nguyễn Thị Kim O nên không cần hủy mà chỉ cần cho nguyên đơn bà G được nhận lại tiền bảo đảm theo quy định.

[7] Bản án sơ thẩm tuyên buộc ông N chịu án phí là chưa đúng quy định tại Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội vì ông N là người cao tuổi nên được miễn.

[8] Về án phí sơ thẩm và phúc thẩm: các đương sự phải chịu theo quy định. Riêng ông N được miễn theo quy định vì là người cao tuổi.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

* Căn cứ: Khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Điều 282, Điều 463, 466, 468, 471 Bộ luật dân sự 2015;

Nghị định 144/2006/NĐ-CP ngày 27 tháng 6 năm 2006 của Chính Phủ.

Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

*Tuyên xử: Chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn. Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn. Sửa một phần Bản án dân sự sơ thẩm số 70/2018/DS-ST ngày 25/10/2018 của Tòa án nhân dân quận T.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Buộc bị đơn ông Nguyễn Khương N và bà Nguyễn Thị Kim O có nghĩa vụ liên đới trả cho nguyên đơn bà Nguyễn Thị Bích G số tiền 12.289.645.000 đồng (Mười hai tỷ, hai trăm tám mươi chín triệu, sáu trăm bốn mươi lăm ngàn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Bà Nguyễn Thị Bích G được nhận lại tài sản bảo đảm là: 77.000.000 đồng theo quyết định buộc thực hiện biện pháp bảo đảm số 460/QĐ-BPBĐ ngày 14 tháng 8 năm 2018, địa điểm tại ngân hàng Ngân hàng Á Châu phòng giao dịch Thốt Nốt, số tài khoản 1327787 và 149.520.000 đồng theo quyết định buộc thực hiện biện pháp bảo đảm số 365/QĐ-BPBĐ ngày 28 tháng 6 năm 2018 của Tòa án nhân dân quận T, địa điểm tại Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn – Chi nhánh quận T.

3. Về án phí:

3.1 Dân sự sơ thẩm:

- Bị đơn ông N được miễn. Bị đơn bà Nguyễn Thị Kim O phải chịu 60.144.822 đồng (Sáu mươi triệu, một trăm bốn mươi bốn ngàn, tám trăm hai mươi hai đồng).

- Nguyên đơn được nhận lại 60.059.000 đồng (Sáu mươi triệu, không trăm năm mươi chín ngàn đồng) theo biên lai thu số 004087 ngày 22/6/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự quận T.

3.2 Dân sự phúc thẩm:

- Bị đơn ông N được miễn. Bị đơn bà Nguyễn Thị Kim O phải chịu 150.000 đồng, nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 004311 ngày 08/11/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự quận T. Ông N được nhận lại 150.000 đồng.

- Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Bích G được nhận lại 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 004309 ngày 07/11/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự quận T.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
-Tòa án nhân dân quận T;
-Viện kiểm sát cùng cấp;
-Cơ quan Thi hành án dân sự quận T;
-Các đương sự;
-Lưu hồ sơ.

Hà Thị Phương Thanh